

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ I/2020

(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/22017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN - QUÝ I	SO SÁNH (%)	
				DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
I	TỔNG SỐ THU, CHI, NỘP NS PHÍ, LỆ PHÍ				
1	Số thu phí, lệ phí	57,500	3,200	5,565	18,444
1.1	Lệ phí cấp giấy phép, giấy ĐK và Chứng chỉ	2,000	0,200	10,000	20,000
1.2	Phí	55,500	3,000	5,405	10,417
a	Phí thẩm định an toàn Bức xạ (Nộp 15%)	40,500	3,000	7,407	18,349
b	Phí thẩm định Hợp đồng chuyển giao công nghệ	10,000	0,000	0,000	-100%
c	Phí thẩm định ĐK hoạt động về KHCN (Nộp 10%)	5,000		0,000	-100%
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	43,425	0,000	0,000	0,000
a	Phí thẩm định an toàn Bức xạ (85%)	34,425		0,000	0,000
b	Phí thẩm định Hợp đồng chuyển giao công nghệ 50%	5,000		0,000	0,000
c	Phí thẩm định ĐK hoạt động về KHCN (90%)	4,000		0,000	
2.1	Chi sự nghiệp KHCN				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính	-	-		-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	14,075	0,650	4,618	18,824
a	Lệ phí cấp giấy phép, giấy ĐK và Chứng chỉ	2,000	0,200	10,000	20,000
b	Phí thẩm định an toàn Bức xạ (Nộp 15%)	6,075	0,450	7,407	18,519
c	Phí thẩm định Hợp đồng chuyển giao công nghệ	5,000	0,000	0,000	-100%
d	Phí thẩm định ĐK hoạt động về KHCN (Nộp 10%)	1,000	0,000	0,000	-100%
II	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	22.212,54	999,249	4,499	51,204
1	Chi quản lý hành chính	3.820,54	917,168	24,006	96,777
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.053,00	743,547	24,355	82,064
a	Quỹ lương + HĐLĐ NGĐ68	2.389,00	578,653	24,222	84,574
b	Chi hoạt động	664,00	164,894	24,833	74,323
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	254,000	35,816	14,101	144,094
1.3	Kinh phí Cải cách tiền lương	494,639	118,91	24,039	
1.4	Kinh phí tiền tết	18,900	18,90	100,000	112,500
2	Nghiên cứu khoa học	18.392,00	82,081	0,446	8,177
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	18.392,00	82,081	0,446	8,177
a	Thực hiện Nhiệm vụ khoa học công nghệ (Khoản 102)	12.500,00	82,081	0,657	8,177
b	10% trích tiết kiệm (Khoản 102)	285,00			
c	Thực hiện Nhiệm vụ khoa học công nghệ (Khoản 103)	5.500,00		0,00	
d	10% trích tiết kiệm (Khoản 103)	107,00			

Tây Ninh, ngày 10 tháng 4 năm 2020

KẾ TOÁN VP SỞ

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

VŨ THỊ MAI LUYẾN



Nguyễn Minh Hiệp